



Mã số/ Code: DV142210807/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : CÔNG TY TNHH HR ESSENCE
- Địa chỉ/
Address : Số 03, Ngách 31, Ngõ 521, Phố Trương Định, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : Ngũ Cốc Cao Cấp Tổ Yến HR Essence
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín, khối lượng: 500g/túi, số lượng: 2 túi
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 22/09/2025
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 22/09/2025-03/10/2025
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 06/10/2025

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng	Kcal/100g	403,62	VNT.H.03.Fo.277
2	Carbohydrate hiệu dụng	g/100g	72,56	VNT.H.03.Fo.187
3	Protein *	g/100g	12,82	TCVN 8125:2015
4	Béo tổng *	g/100g	6,9	TCVN 6555:2017
5	Tổng số acid béo bão hòa	g/100g	3,64	AOAC 996.06
6	Tổng số acid béo trans	g/100g	0,03	AOAC 996.06
7	Cholesterol	mg/kg	KPH (LOD = 10)	VNT.H.03.Fo.198
8	Natri (Na)	mg/100g	104	TCVN 10916:2015
9	Xơ thô	g/100g	0,7	TCVN 5103:1990

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142210807/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
10	Đường tổng (Fructose, Glucose, Sucrose/ Saccharose, Maltose, Lactose) – Phương pháp sắc ký lỏng	g/100g	32,23	VNT.H..03.Fo.53
11	Đường bổ sung ⁽¹⁾	-	0	-
12	Vitamin D tổng (bao gồm Vitamin D2 + Vitamin D3)	mg/kg	0,51	VNT.H.03.Fo.64
13	Canxi (Ca)	mg/100g	14,4	TCVN 10916:2015
14	Sắt (Fe)	mg/kg	41,56	TCVN 10916:2015
15	Kali (K)	mg/100g	748	TCVN 10916:2015
16	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 10912:2015
17	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 10912:2015
18	Thiếc (Sn) **	mg/ kg	KPH (LOD = 0,1)	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)
19	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) *	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
20	Aflatoxin B1 *	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
21	Ochratoxin A (OTA) *	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)
22	Deoxynivalenol (DON) *	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)
23	Zearalenone (ZEN) *	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)
24	Tổng số vi sinh vật hiếu khí *	CFU/g	6,4x10 ²	TCVN 4884-1:2015
25	Tổng số nấm men - nấm mốc *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 8275-2:2010

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV142210807/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
26	Coliforms *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007
27	E. coli *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
28	Staphylococcus aureus	CFU/g	KPH (LOD = 10)	AOAC 975.55
29	Clostridium perfringens *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005
30	Bacillus cereus *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (1): Thông tin do khách hàng cung cấp

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR
ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

KỸ THUẬT VIỆT NAM

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.